

Phụ lục số 28

Nội dung Báo cáo hoạt động quản lý quỹ mở của Công ty quản lý quỹ
(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

31.12.2016

1. Thông tin về quỹ

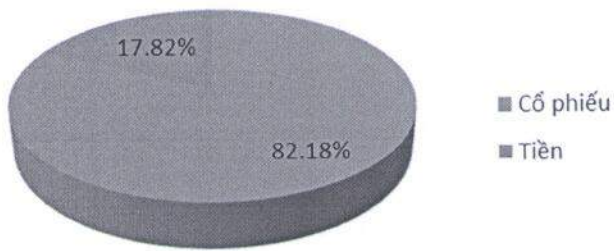
- a) Tên của Quỹ/ loại hình Quỹ: **QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU HÀNG ĐẦU VIỆT NAM (VCBF-BCF)/ QUỸ MỞ**
- b) Mục tiêu đầu tư của Quỹ: **Gia tăng phần vốn gốc trong trung hạn và dài hạn**
- c) Thời hạn hoạt động của Quỹ (nếu có): **Không giới hạn**
- d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) (nếu có): **VN100**
- e) Chính sách phân chia lợi nhuận: **Công ty quản lý quỹ đề xuất dựa trên báo cáo kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối và được đại hội nhà đầu tư thông qua.**
- f) Số lượng đơn vị Quỹ đang lưu hành: **12.459.686,63**
- g) Nội dung thay đổi trong Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: **Chưa có thay đổi về Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo.**
- h) Nội dung Nghị Quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: **Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư đã được cung cấp cho tất cả nhà đầu tư và gửi cho UBCKNN.**
- i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư Hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở: **Quỹ đã tuân thủ theo các nội dung quy định tại điều 45 Thông tư 183/2011/TT-BTC về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở về Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin.**

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của Quỹ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ, cụ thể:

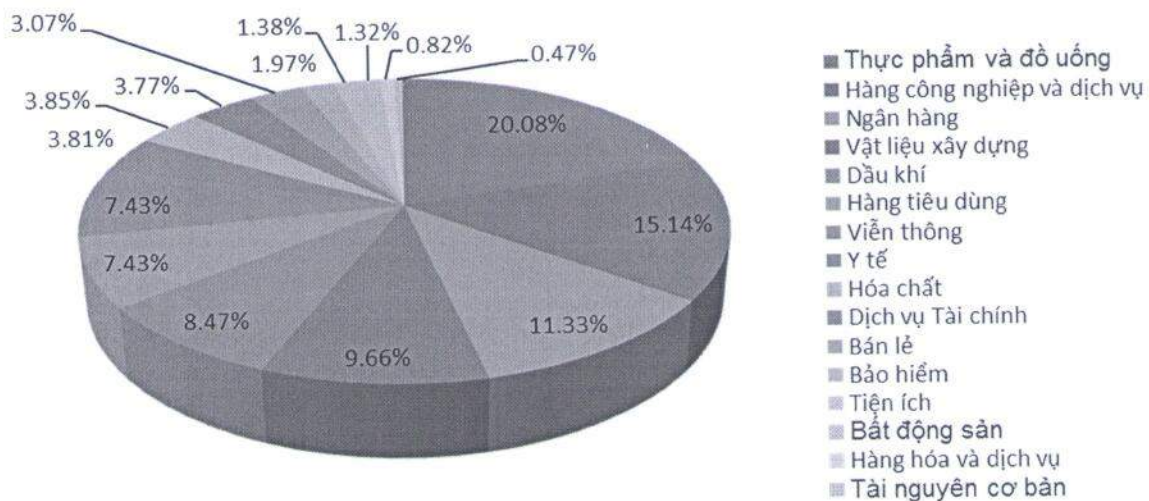
- Danh mục đầu tư của Quỹ phân bổ theo loại tài sản (cổ phiếu/trái phiếu/tiền...) tại thời điểm 31/12/2016:

Cổ phiếu:	82,18%
Tiền :	17,82%



- Danh mục đầu tư của Quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực tại ngày 31/12/2016 (hiện tại Quỹ mới đầu tư vào cổ phiếu niêm yết)

Thực phẩm và đồ uống	20,08%
Hàng công nghiệp và dịch vụ	15,14%
Ngân hàng	11,33%
Vật liệu xây dựng	9,66%
Dầu khí	8,47%
Hàng tiêu dùng	7,43%
Viễn thông	7,43%
Y tế	3,81%
Hóa chất	3,85%
Dịch vụ Tài chính	3,77%
Bán lẻ	3,07%
Bảo hiểm	1,97%
Tiện ích	1,38%
Bất động sản	1,32%
Hàng hóa và dịch vụ	0,82%
Tài nguyên cơ bản	0,47%



- Giá trị tài sản ròng của Quỹ: VNĐ 175.586.279.696

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ: VNĐ 14.092,35

- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành: 12.459.686,63 Chứng Chỉ Quỹ

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất/ thấp nhất

Cao nhất: VNĐ 15.104,29 (ngày 30/09/2016)

Thấp nhất: VNĐ 11.180,96 (ngày 20/01/2016)

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập):

Tổng thu nhập của quỹ trong năm 2016: VNĐ 21.576.887.870 trong đó

+ Thu nhập từ lãi tiền gửi: VNĐ 818.113.183

+ Thu nhập từ cổ tức: VNĐ 4.787.960.322

+ Thu nhập từ bán chứng khoán: VNĐ 18.167.858.110

+ Thu nhập khác: VNĐ 140.447.015

+ Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện: VNĐ (2.337.490.760)

Tổng chi phí của quỹ: VNĐ 3.820.258.507

Lợi nhuận của quỹ: VNĐ 17.756.629.363

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: **Quỹ không phân phối lợi nhuận trong năm 2016**

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

Tỷ lệ chi phí cuối quý I/2016: 3,08%

Tỷ lệ chi phí cuối quý II/2016: 3,08%

Tỷ lệ chi phí cuối quý III/2016: 2,79%

Tỷ lệ chi phí cuối quý IV/2016: 2,47%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục:

Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý I/2016: 34,26%

Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý II/2016: 65,04%

Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý III/2016: 44,62%

Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý IV/2016: 40,91%

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

- (i) trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm): **18,36%**
- (ii) trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm): **Không có**
- (iii) trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm): **Không có.**

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: **phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá lập bởi Công ty quản lý quỹ, được Ban Đại Diện Quỹ thông qua và kiểm tra rà soát bởi Ngân hàng giám sát Standard Charter Bank**

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: **giá chứng khoán được Reuter's cung cấp**

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ:

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

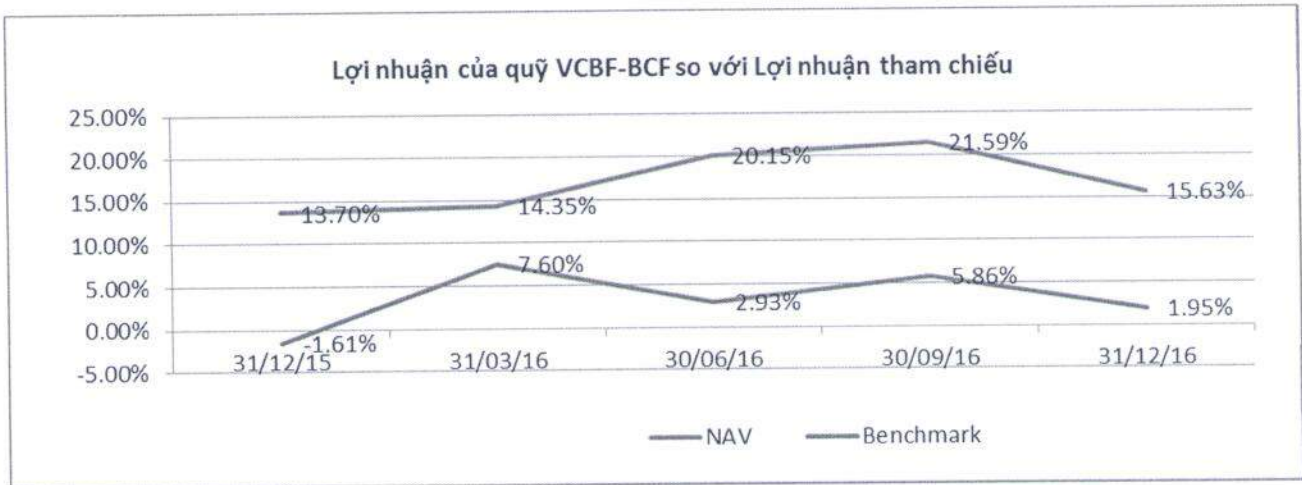
a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: **Không có.**

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư:

Trong năm 2016, lợi nhuận của Quỹ đã vượt lợi nhuận tham chiếu, đạt được mục đích đầu tư.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị):

Ngày	Lợi nhuận trung bình hàng năm của quỹ VCBF-BCF (kể từ ngày thành lập)	Lợi nhuận tham chiếu (trung bình hàng năm)
31/12/15	13,70%	-1,61%
31/03/16	14,35%	7,60%
30/06/16	20,15%	2,93%
30/09/16	21,59%	5,86%
31/12/16	15,63%	1,95%



d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): **Không có**

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ: **Chiến thuật và chiến lược đầu tư trong kỳ theo sát chiến lược và chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, đó là đầu tư vào một danh mục đa dạng thông qua quá trình định giá giá trị của công ty.**

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo: **Tại thời điểm 31/12/2016, tỷ trọng của cổ phiếu trong danh mục đầu tư là 82.18%, giảm so với tỷ trọng 95.3% tại thời điểm 31/12/2015.**

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất: **trong năm 2016, quỹ không chia lợi nhuận**

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại kỳ định giá đầu tiên 27/08/2014: VNĐ 9.993,72
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá 31/12/2014: VNĐ 9.651,07 giảm 3,43%
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá 31/12/2015: VNĐ 11.906,67 tăng 23,37% so với đầu năm
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá 31/12/2016: VNĐ 14.092,35 tăng 18,36% so với đầu năm

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap)....:

So với đầu năm 2016, chỉ số VN100 tăng từ 573,52 điểm lên 613,64 tăng 7,0%

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): **Không có.**

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: **Không có.**

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): **Không có.**

m) Các thông tin khác (nếu có): **Không có.**

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát: nội dung như trình bày trong báo cáo giám sát của Ngân Hàng Standard Charter Bank

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý quỹ mở đối với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có):

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“Deutsche Bank AG”), là Ngân hàng giám sát của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016.

Ngày 10 tháng 10 năm 2016, Deutsche Bank AG đã hoàn tất việc bàn giao dịch vụ ngân hàng giám sát và lưu ký của Quỹ cho Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) (“SCBVL”). Theo đó, SCBVL là ngân hàng giám sát của Quỹ kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2016.

b) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

Dựa trên các báo cáo giám sát của Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“Deutsche Bank AG”), là Ngân hàng giám sát của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016, Công ty Liên Doanh Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

Trong quá trình Ngân hàng SCBVL giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 10 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty Liên Doanh Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

c) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ tuân thủ theo quy định của pháp luật và điều lệ Quỹ

d) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch:

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016, Quỹ đã thực hiện:

- Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: trong kỳ Quỹ phát hành thêm 6.243.951,48 chứng chỉ Quỹ với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 62.439.514.800 đồng;
- Mua lại chứng chỉ Quỹ: trong kỳ Quỹ mua lại 1.278.579,74 chứng chỉ Quỹ với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 12.785.797.400 đồng.

Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ của Quỹ tuân theo quy định của pháp luật và điều lệ Quỹ

e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ: Dựa trên các báo cáo giám sát của Deutsche Bank AG cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016 và hoạt

động giám sát của SCBVL trong giai đoạn từ ngày 10 tháng 10 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền) như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng...với nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ: Ngân hàng Deutsche Bank nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, xác định giá trị tài sản ròng từ tháng 1/2016 đến tháng 9/2016, Ngân hàng Standard Charter nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, xác định giá trị tài sản ròng từ tháng 10/2016, Trung Tâm lưu ký chứng khoán (VSD) cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng từ tháng 3/2016.

- Chi phí trả cho dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng: VNĐ 45.257.243 chiếm 1,24% tổng chi phí hoạt động.
- Chi phí trả cho dịch vụ chuyển nhượng: VNĐ 99.150.879 chiếm 2,72% tổng chi phí hoạt động.
- Chi phí trả cho dịch vụ ngân hàng lưu ký: VNĐ 341.347.853 chiếm 9,38% tổng chi phí hoạt động.
- Chi phí trả cho dịch vụ ngân hàng giám sát: VNĐ 244.200.000 chiếm 6,71% tổng chi phí hoạt động.

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: **Không có.**

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công ty quản lý quỹ). **Tổng chi phí trả cho dịch vụ ủy quyền là VNĐ 729.955.975**

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa...của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: **Công ty VCBF đã thực hiện chuyển nhà cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng từ Ngân hàng Deutsche Bank AG, chi nhánh Hồ Chí Minh sang Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán VSD vào ngày 09 tháng 03 năm 2016 và đã tiến hành chuyển nhà cung cấp dịch vụ Quản trị Quỹ từ Ngân hàng Deutsche Bank AG, chi nhánh Hồ Chí Minh sang Ngân hàng Standard Charter Bank Việt Nam vào tháng 10/2016. VCBF sẽ thực hiện đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa...của bên nhận ủy quyền vào quý II 2017**

Công ty Liên doanh Quản Lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán Vietcombank ✓



Avinash Deepak Satwalekar
Avinash Deepak Satwalekar

Tổng Giám Đốc